



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	02					
2	000002	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	02					
3	000003	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	02					
4	000004	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	02					
5	000005	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	02					
6	000006	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	02					
7	000007	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	02					
8	000008	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02					
9	000009	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	02					
10	000010	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	02					
11	000011	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	02					
12	000012	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	02					
13	000013	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	02					
14	000014	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	02					
15	000015	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	02					
16	000016	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	02					
17	000017	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	02					
18	000018	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	02					
19	000019	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	03					HP
20	000020	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	03					
21	000021	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	03					
22	000022	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	03					
23	000023	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	03					HP
24	000024	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03					
25	000025	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	03					HP
26	000026	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	03					
27	000027	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	03					
28	000028	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	03					
29	000029	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	03					
30	000030	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	03					HP
31	000031	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	03					
32	000032	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	03					
33	000033	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	03					HP
34	000034	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	03					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
35	000035	1101021334	Đình Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	03					
36	000036	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	03					
37	000037	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	03					HP
38	000038	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	03					
39	000039	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	03					HP
40	000040	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	03					
41	000041	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000042	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	02					
2	000043	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	02					
3	000044	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	02					
4	000045	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	02					
5	000046	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	02					
6	000047	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	02					
7	000048	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	02					
8	000049	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	02					
9	000050	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	02					
10	000051	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02					
11	000052	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02					
12	000053	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	02					
13	000054	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	02					
14	000055	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	02					
15	000056	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyễn	09/02/2005	KD11E	02					
16	000057	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	02					
17	000058	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	02					
18	000059	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	02					
19	000060	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	02					
20	000061	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	02					
21	000062	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	02					
22	000063	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	02					
23	000064	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	02					
24	000065	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	03					
25	000066	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	03					
26	000067	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	03					
27	000068	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	03					
28	000069	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	03					
29	000070	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	03					
30	000071	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	03					
31	000072	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	03					
32	000073	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	03					HP
33	000074	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	03					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
34	000075	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	03					
35	000076	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	03					HP
36	000077	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	03					
37	000078	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	03					
38	000079	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	03					
39	000080	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	03					
40	000081	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01					
2	000002	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	01					
3	000003	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	01					
4	000004	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	01					
5	000005	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	01					HP
6	000006	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	01					
7	000007	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	01					HP
8	000008	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	01					
9	000009	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A6_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Toán cao cấp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01					
2	000002	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01					
3	000003	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	01					
4	000004	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	01					HP
5	000005	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	01					HP
2	000002	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	01					
3	000003	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01					
4	000004	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01					
5	000005	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	01					
6	000006	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	01					
7	000007	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	01					
8	000008	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	01					HP
9	000009	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	01					
10	000010	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	01					HP
11	000011	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					
12	000012	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01					HP
13	000013	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	01					
14	000014	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	01					HP
15	000015	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01					
16	000016	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01					
17	000017	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01					
18	000018	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	01					
19	000019	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	01					
20	000020	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	01					HP
21	000021	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01					HP
22	000022	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	01					
23	000023	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	01					
24	000024	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	01					
25	000025	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000026	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	01					
2	000027	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	01					
3	000028	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	01					
4	000029	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	01					
5	000030	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	01					
6	000031	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	01					
7	000032	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	01					
8	000033	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	01					
9	000034	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	01					
10	000035	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	01					HP
11	000036	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	01					
12	000037	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	01					
13	000038	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	01					
14	000039	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	01					
15	000040	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	01					
16	000041	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	01					HP
17	000042	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	01					
18	000043	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01					
19	000044	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	01					HP
20	000045	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	01					
21	000046	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	01					HP
22	000047	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	01					
23	000048	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01					HP
24	000049	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01					
25	000050	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01					
26	000051	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	01					HP
2	000002	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	01					
3	000003	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					
4	000004	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	01					
5	000005	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	01					
6	000006	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01					
7	000007	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	01					HP,ĐK
8	000008	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01					
9	000009	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	01					
10	000010	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01					
2	000002	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01					
3	000003	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	01					
4	000004	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	01					
5	000005	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	01					
6	000006	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	01					
7	000007	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01					
8	000008	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	02					HP
9	000009	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	02					
10	000010	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	02					
11	000011	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	02					
12	000012	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	02					
13	000013	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	02					HP
14	000014	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	02					
15	000015	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	02					
16	000016	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	02					
17	000017	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	02					
18	000018	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	03					
19	000019	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	03					
20	000020	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	03					
21	000021	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	03					
22	000022	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	03					
23	000023	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	03					
24	000024	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	04					HP,ĐK
25	000025	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	04					HP
26	000026	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	04					ĐK
27	000027	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	04					HP
28	000028	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	04					HP
29	000029	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	04					HP
30	000030	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	04					HP
31	000031	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	04					
2	000033	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	04					
3	000034	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	04					
4	000035	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	04					HP
5	000036	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	04					
6	000037	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	04					
7	000038	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	04					HP,ĐK
8	000039	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	04					HP,ĐK
9	000040	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	04					
10	000041	1201070668	Tạ Khắc	Sơn	05/12/2006	QL12A	04					ĐK
11	000042	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	04					HP
12	000043	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	04					HP
13	000044	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	04					HP
14	000045	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	04					
15	000046	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	04					
16	000047	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	04					
17	000048	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	04					
18	000049	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	04					HP,ĐK
19	000050	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	04					
20	000051	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	04					
21	000052	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	04					HP,ĐK
22	000053	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	04					
23	000054	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	04					HP,ĐK
24	000055	0710112006	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	TC7A	04					HP,ĐK
25	000056	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	04					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	02					ĐK
2	000002	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	02					
3	000003	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	02					
4	000004	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	02					HP
5	000005	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	02					
6	000006	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	02					
7	000007	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	02					ĐK
8	000008	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02					
9	000009	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	02					HP,ĐK
10	000010	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	02					HP,ĐK
11	000011	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	02					
12	000012	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	02					
13	000013	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	02					
14	000014	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	02					HP
15	000015	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	02					ĐK
16	000016	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02					ĐK
17	000017	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	02					
18	000018	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	02					HP,ĐK
19	000019	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	02					HP,ĐK
20	000020	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 1 - Điền kinh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000003	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	07					HP
2	000004	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	07					
3	000005	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	07					
4	000006	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	07					HP,ĐK
5	000007	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	07					
6	000008	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	07					
7	000009	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	07					
8	000010	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	07					
9	000011	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	07					
10	000012	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	07					ĐK
11	000013	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	07					ĐK
12	000014	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	07					
13	000015	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	07					HP
14	000016	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	07					
15	000017	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	07					
16	000018	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	07					
17	000019	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	07					
18	000020	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	07					ĐK
19	000021	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	07					ĐK
20	000022	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	07					ĐK
21	000023	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	07					ĐK
22	000024	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	07					HP,ĐK
23	000025	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	07					ĐK
24	000026	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	07					
25	000027	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	07					
26	000028	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	07					
27	000029	0710111627	Nguyễn Giang	Sơn	15/11/1998	TC7A	07					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	02					
2	000002	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	02					HP,ĐK
3	000003	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	02					HP,ĐK
4	000004	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	02					
5	000005	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	02					HP
6	000006	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	02					HP,ĐK
7	000007	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	02					HP
8	000008	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	02					
9	000009	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	02					
10	000010	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	02					
11	000011	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	02					
12	000012	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	02					
13	000013	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	02					
14	000014	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	02					
15	000015	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	02					
16	000016	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	02					
17	000017	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	02					
18	000018	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	02					HP
19	000019	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	02					ĐK
20	000020	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	02					ĐK
21	000021	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	02					
22	000022	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	02					
23	000023	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	02					
24	000024	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	02					ĐK
25	000025	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	02					
26	000026	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	02					HP
27	000027	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000003	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	03					
2	000004	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	03					
3	000005	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	03					
4	000006	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	03					
5	000007	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	03					
6	000008	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	03					
7	000009	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03					
8	000010	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03					
9	000011	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03					
10	000012	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03					
11	000013	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03					
12	000014	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03					
13	000015	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	03					
14	000016	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	03					
15	000017	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	03					
16	000018	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	03					
17	000019	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	03					
18	000020	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	03					
19	000021	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	03					
20	000022	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	03					
21	000023	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	03					
22	000024	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	03					HP
23	000025	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	03					HP
24	000026	1101071135	Đỗ Thị Anh	Phương	23/10/2005	KL11A	03					
25	000027	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	03					
26	000028	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03					
27	000029	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	03					HP
28	000030	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	03					
29	000031	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	03					
30	000032	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	03					HP
31	000033	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	03					
32	000034	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	03					
33	000035	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03					
34	000036	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	03					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
35	000037	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	03					
36	000038	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	03					
37	000039	1101031007	Nguyễn Thúy	Ngân	13/03/2005	QT11B	03					HP,ĐK
38	000040	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	03					
39	000041	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000042	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	04					HP
2	000043	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	04					HP
3	000044	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	04					
4	000045	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	04					
5	000046	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	04					
6	000047	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	04					
7	000048	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	04					
8	000049	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	04					
9	000050	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	04					
10	000051	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	04					
11	000052	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	04					
12	000053	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	04					
13	000054	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	04					
14	000055	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04					HP
15	000056	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04					HP
16	000057	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04					
17	000058	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04					HP
18	000059	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	04					
19	000060	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	04					
20	000061	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	04					
21	000062	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	04					
22	000063	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	04					
23	000064	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	04					
24	000065	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	04					
25	000066	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	04					
26	000067	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	04					
27	000068	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	04					
28	000069	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	04					
29	000070	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	04					
30	000071	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	04					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000072	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	04					
32	000073	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	04					
33	000074	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	04					
34	000075	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	04					
35	000076	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	04					
36	000077	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	02					
2	000002	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	02					
3	000003	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	02					
4	000004	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	02					HP
5	000005	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02					
6	000006	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	02					
7	000007	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	02					
8	000008	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	02					
9	000009	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	02					
10	000010	0610211089	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20-10-2000	KD6H	02					
11	000011	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	02					
12	000012	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	02					
13	000013	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	02					
14	000014	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02					
15	000015	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2